

Số: /BC-SVHTTDL

Cao Bằng, ngày tháng 4 năm 2026

DỰ THẢO

BÁO CÁO

Tổng kết việc thi hành các Nghị quyết của Hội đồng nhân dân tỉnh Cao Bằng về chế độ, chính sách trong lĩnh vực thể dục thể thao

Thực hiện quy định của Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật năm 2025, Sở Văn hóa, Thể thao và Du lịch tỉnh Cao Bằng đã tiến hành tổng kết việc thi hành các Nghị quyết của Hội đồng nhân dân tỉnh Cao Bằng về chế độ, chính sách trong lĩnh vực thể dục thể thao, bao gồm: Nghị quyết số 11/2012/NQ-HĐND ngày 05/7/2012 quy định hỗ trợ bồi dưỡng đối với vận động viên đạt đẳng cấp quốc gia; chế độ chi tiêu tài chính đối với các giải thi đấu thể thao; chế độ bồi dưỡng đối với học sinh trường năng khiếu Nghệ thuật và Thể thao tỉnh Cao Bằng (Nghị quyết số 11/2012/NQ-HĐND); Nghị quyết số 79/2021/NQ-HĐND ngày 10 tháng 12 năm 2021 Quy định chế độ dinh dưỡng đặc thù đối với huấn luyện viên, động viên thể thao thành tích cao tỉnh Cao Bằng (Nghị quyết số 79/2021/NQ-HĐND); Nghị quyết số 41/2024/NQ-HĐND ngày 12 tháng 7 năm 2024 Quy định mức thưởng đối với huấn luyện viên, vận động viên đạt thành tích tại các giải thi đấu thể thao khu vực và toàn quốc trên địa bàn tỉnh Cao Bằng (Nghị quyết số 41/2024/NQ-HĐND). Kết quả thi hành các Nghị quyết, cụ thể như sau:

I. BỐI CẢNH THỰC HIỆN TỔNG KẾT

1. Bối cảnh trong nước

Quốc hội đã ban hành Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật năm 2025 và Luật Ngân sách nhà nước năm 2025 với các yêu cầu chặt chẽ hơn về trình tự, thủ tục xây dựng chính sách, đặc biệt là yêu cầu đánh giá tác động, tổng kết thi hành pháp luật và bảo đảm tính khả thi khi ban hành văn bản. Đồng thời, Luật Tổ chức chính quyền địa phương năm 2025 xác lập mô hình chính quyền địa phương 02 cấp (cấp tỉnh và cấp xã), làm thay đổi căn bản cơ chế phân cấp quản lý và phân bổ ngân sách, đặt ra yêu cầu phải thiết kế lại chính sách chi trong lĩnh vực thể dục thể thao theo hướng rõ thẩm quyền, rõ trách nhiệm và phù hợp với cơ chế điều hành mới.

Chính phủ đã ban hành Nghị định số 349/2025/NĐ-CP ngày 30/12/2025 của Chính phủ Quy định chế độ, chính sách đối với thành viên đội thể thao tham gia tập trung tập huấn, thi đấu, thay thế các quy định trước đây. Nghị định này không chỉ thiết lập khung chính sách thống nhất trên phạm vi toàn quốc mà còn giao thẩm quyền cho Hội đồng nhân dân cấp tỉnh quy định mức chi cụ thể phù hợp với điều kiện thực tế và khả năng cân đối ngân sách của địa phương. Đây là

căn cứ pháp lý trực tiếp, yêu cầu các địa phương phải rà soát, điều chỉnh hoặc ban hành mới chính sách tương ứng.

Song song với đó, Bộ Tài chính đã ban hành Thông tư số 117/2025/TT-BTC ngày 16 tháng 12 năm 2025 của Bộ trưởng Bộ Tài chính quy định lập dự toán, quản lý sử dụng và quyết toán kinh phí ngân sách nhà nước hỗ trợ tổ chức giải thi đấu thể thao tại Việt Nam. Thông tư đã chuẩn hóa nội dung chi, nguyên tắc quản lý tài chính, đồng thời yêu cầu địa phương cụ thể hóa mức chi theo thẩm quyền. Điều này là cơ sở để điều chỉnh các quy định hiện hành của tỉnh bảo đảm phù hợp về nội dung chi, cơ cấu chi và quy trình quản lý tài chính.

2. Quá trình thực hiện tổng kết

Sở Văn hóa, Thể thao và Du lịch đã tiến hành rà soát toàn diện việc thi hành các nghị quyết; tổng hợp số liệu; đánh giá định lượng về kinh phí, kết quả thành tích thể thao; đồng thời đối chiếu với các quy định pháp luật hiện hành như Nghị định số 349/2025/NĐ-CP và Thông tư số 117/2025/TT-BTC để xác định mức độ phù hợp.

II. KẾT QUẢ THỰC HIỆN

1. Công tác chỉ đạo, triển khai và tổ chức thi hành văn bản quy phạm pháp luật

Ngay sau khi các Nghị quyết được ban hành, Sở Văn hóa, Thể thao và Du lịch đã chủ động tham mưu UBND tỉnh tổ chức triển khai thực hiện, giao nhiệm vụ cụ thể cho các đơn vị trực thuộc; đồng thời xây dựng dự toán kinh phí hằng năm trình cấp có thẩm quyền phê duyệt.

Đối với Nghị quyết số 11/2012/NQ-HĐND, các nội dung về chi tiêu tổ chức giải và hỗ trợ ban đầu cho vận động viên được triển khai tương đối đồng bộ trong giai đoạn trước.

Đối với Nghị quyết số 79/2021/NQ-HĐND và Nghị quyết số 41/2024/NQ-HĐND, việc tổ chức thực hiện được thực hiện kịp thời ngay sau khi có hiệu lực, bảo đảm chế độ dinh dưỡng, tiền thưởng cho huấn luyện viên, vận động viên theo đúng quy định.

2. Kết quả thi hành các nghị quyết, đánh giá ưu điểm, bất cập, hạn chế của văn bản quy phạm pháp luật

2.1. Kết quả thi hành các nghị quyết

a) Đối với Nghị quyết số 11/2012/NQ-HĐND ngày 05/7/2012 của HĐND tỉnh Cao Bằng.

Ngay sau khi ban hành, Nghị quyết số 11/2012/NQ-HĐND đã được Sở Văn hóa, Thể thao và Du lịch tổ chức triển khai thực hiện đồng bộ; giao các phòng chuyên môn và đơn vị trực thuộc xây dựng dự toán kinh phí hằng năm, trình cấp có thẩm quyền phê duyệt theo quy định của pháp luật về ngân sách nhà nước; đồng thời quán triệt, phổ biến nội dung Nghị quyết đến các đối tượng áp dụng.

Qua quá trình tổ chức thực hiện, Nghị quyết đã phát huy hiệu quả trong giai đoạn đầu, tạo cơ sở pháp lý để triển khai các chế độ: hỗ trợ vận động viên đạt đẳng cấp quốc gia; chi tiêu tài chính tổ chức các giải thể thao; bồi dưỡng đối với học sinh trường năng khiếu. Đặc biệt, chính sách chi bồi dưỡng cho các lực lượng tham gia tổ chức giải (Ban Chỉ đạo, Ban Tổ chức, các tiểu ban chuyên môn, trọng tài, giám sát, thư ký, lực lượng công an, y tế, phục vụ...) đã góp phần duy trì hoạt động thi đấu thể thao cấp tỉnh ổn định, bảo đảm tổ chức giải theo kế hoạch. Tuy nhiên, việc thi hành Nghị quyết đến nay bộc lộ rõ các hạn chế:

- Về tính pháp lý: Căn cứ ban hành Nghị quyết đã hết hiệu lực được thay thế bằng các văn bản quy phạm pháp luật mới, dẫn đến cơ sở pháp lý không còn phù hợp với hệ thống pháp luật hiện hành.

- Về nội dung chính sách: Nhiều nội dung quy định đã không còn phù hợp với tình hình thực tế. Hiện nay, nội dung còn được áp dụng là chi bồi dưỡng làm nhiệm vụ cho các lực lượng phục vụ giải đấu như: Ban Chỉ đạo, Ban Tổ chức, các tiểu ban chuyên môn, trọng tài, giám sát, thư ký; lực lượng công an, bảo vệ, y tế và nhân viên phục vụ.

- Về mức chi: Mức chi bồi dưỡng quy định tại Nghị quyết thấp hơn nhiều so với mặt bằng chi tiêu hiện nay, không còn đáp ứng yêu cầu thực tiễn, chưa tạo được động lực, chưa tương xứng với tính chất, khối lượng và áp lực công việc của các lực lượng tham gia.

- Về phạm vi tác động: Chính sách hỗ trợ lực lượng tham gia tổ chức giải và hỗ trợ đối với vận động viên đạt đẳng cấp quốc gia hiện nay không phù hợp hoặc đã được điều chỉnh bởi các quy định khác, dẫn đến việc áp dụng thiếu đồng bộ.

Nghị quyết số 11/2012/NQ-HĐND đã hoàn thành vai trò trong giai đoạn trước, tuy nhiên đến nay không còn phù hợp cả về cơ sở pháp lý, nội dung và mức chi. Việc ban hành nghị quyết mới thay thế là cần thiết nhằm đảm bảo tính thống nhất với quy định hiện hành, đồng thời nâng cao hiệu quả quản lý và đáp ứng yêu cầu phát triển thể dục thể thao trong giai đoạn mới.

(Kèm theo Phụ lục 2: biểu tổng hợp kinh phí được giao và thực hiện hằng năm kèm theo)

b) Đối với Nghị quyết 41/2024/NQ-HĐND ngày 12/7/2024 về việc Quy định mức thưởng đối với huấn luyện viên, vận động viên đạt thành tích tại các giải thi đấu Thể thao khu vực và toàn quốc trên địa bàn tỉnh Cao Bằng và Nghị quyết số 79/2021/NQ-HĐND ngày 10/12/2021 về việc quy định chế độ dinh dưỡng đặc thù đối với huấn luyện viên, vận động viên Thể thao thành tích cao tỉnh Cao Bằng đã tạo đà cho sự phát triển thể thao của tỉnh Cao Bằng, cụ thể. Thành tích thi đấu tại các giải thể thao quốc gia và quốc tế tăng cả về số lượng và chất lượng, tại Đại hội Thể dục thể thao toàn quốc năm 2022 tỉnh Cao Bằng đạt 09 huy chương (01 vàng, 05 bạc và 03 đồng) đứng thứ 54/65 đơn vị tỉnh thành. Đặc biệt giai đoạn 2020 - 2025 khi ban hành 02 Nghị quyết này thì thể thao tỉnh Cao Bằng đạt trên 1000 huy chương các loại trên đấu trường khu vực,

quốc gia và quốc tế mang vinh quang về cho tỉnh và tổ quốc góp phần trong việc phát triển kinh tế xã hội của địa phương và đất nước.

(Kèm theo Phụ lục 3: biểu tổng hợp kinh phí được giao và thực hiện hằng năm kèm theo)

2.2. Kết quả thực hiện chế độ chi tiêu tài chính cho các giải thi đấu thể thao cấp tỉnh và chế độ chính sách đối với huấn luyện viên và vận động viên tỉnh Cao Bằng

a) Đối với Nghị quyết số 11/2012/NQ-HĐND của HĐND tỉnh Cao Bằng

Căn cứ điều lệ từng giải đấu, một số giải thi đấu 01 ngày (Việt dã, cờ tướng, marathon, giải đầu xuân), một số giải thi đấu 4-6 ngày (các bóng đá, bóng chuyền, cầu lông, bóng bàn, pickleball, bóng rổ, thể thao dân tộc...). Mức chi tiền bồi dưỡng làm nhiệm vụ tính trung bình 3 ngày/giải (chưa bao gồm tiền giải thưởng và đăng cai tổ chức giải toàn quốc), cụ thể như sau:

- Cấp tỉnh: Tiền ăn của Thành viên Ban chỉ đạo, Ban tổ chức và các tiểu ban Đại hội thể dục thể thao, Hội thi thể thao, Hội khỏe Phù Đổng; thành viên Ban tổ chức và các tiểu ban chuyên môn từng giải thi đấu; trọng tài, giám sát điều hành, thư ký các giải đấu... hiện chưa được quy định; tiền Bồi dưỡng làm nhiệm vụ cấp tỉnh: Ban chỉ đạo, Ban tổ chức, trưởng phó các tiểu ban chuyên môn: 80.000đồng/người/ngày; thành viên các tiểu ban chuyên môn không quá 60.000 đồng/người/ngày; lực lượng làm nhiệm vụ trật tự, bảo vệ, công an, y tế, nhân viên phục vụ: 45.000 đồng/người/buổi; trọng tài chính, giám sát: 85.000 đồng/người/trận; thư ký, trọng tài khác: 60.000 đồng/người/buổi. Tổng kinh phí chi không tăng, khoảng 280.000.000đ/năm.

- Mức chi cho các đối tượng tham gia tập luyện và biểu diễn: người tham gia tập luyện: 30.000đ/người/buổi; Người tham gia tổng duyệt (tối đa 02 buổi) không quá: 40.000đ/ người/buổi; biểu diễn chính thức: không quá 70.000đ/người/buổi; Giáo viên quản lý hướng dẫn: không quá 60.000đ/người/buổi.

- Mức chi các chế độ tổ chức giải thể thao của tỉnh Cao Bằng theo Nghị quyết số 11/2012/NQ-HĐND ngày 05/7/2012.

TT	Chức danh chuyên môn	Mức chi
I	Ban tổ chức cấp tỉnh	
1	Thành viên Ban chỉ đạo, Ban tổ chức, Trưởng, Phó Tiểu ban chuyên môn	Không quá 80.000 đồng/người/ngày
2	Thành viên các Tiểu ban chuyên môn	Không quá 60.000 đồng/người/ngày
3	Công an, y tế, bảo vệ trật tự, nhân viên phục vụ	Không quá 45.000 đồng/người/buổi
II	Ban tổ chức cấp huyện	

1	Thành viên Ban chỉ đạo, Ban tổ chức, Trưởng, Phó Tiểu ban chuyên môn	Không quá 70.000 đồng/người/ngày
2	Thành viên các Tiểu ban chuyên môn	Không quá 50.000 đồng/người/ngày
3	Công an, y tế, bảo vệ trật tự, nhân viên phục vụ	Không quá 35.000 đồng/người/buổi
III	Trọng tài các giải cấp tỉnh	
1	Bóng đá (tính theo trận)	
	- Trọng tài chính, Giám sát	Không quá 85.000 đồng/người/trận
	- Trợ lý trọng tài, Thư ký, Trọng tài khác	Không quá 60.000 đồng/người/trận
	- Công an, y tế	45.000 đồng/người/buổi
2	Bóng chuyền, bóng rổ, bóng ném (tính theo trận)	
	- Trọng tài chính, Giám sát	Không quá 60.000 đồng/người/trận
	- Trợ lý trọng tài, Thư ký, Trọng tài khác	Không quá 50.000 đồng/người/trận
IV	Trọng tài các giải cấp huyện	
1	Bóng đá (tính theo trận)	
	- Trọng tài chính, Giám sát	Không quá 85.000 đồng/người/trận
	- Trợ lý trọng tài, Thư ký, Trọng tài khác	Không quá 60.000 đồng/người/trận
2	Bóng chuyền, bóng rổ, bóng ném (tính theo trận)	
	- Trọng tài chính, Giám sát	Không quá 50.000 đồng/người/trận
	- Trợ lý trọng tài, Thư ký, Trọng tài khác	Không quá 40.000 đồng/người/trận
3	Các môn thể thao khác (tính theo buổi)	
	- Trọng tài chính, Giám sát	Không quá 50.000 đồng/người/trận
	- Trợ lý trọng tài, Thư ký, Trọng tài khác	Không quá 40.000 đồng/người/trận

b) Đối với Nghị quyết 41/2024/NQ-HĐND ngày 12/7/2024; Nghị quyết số 79/2021/NQ-HĐND ngày 10/12/2021 của HĐND tỉnh Cao Bằng

(có phụ lục phụ lục 4 thống kê kèm theo)

2.3. Đánh giá chung

a) Ưu điểm:

- Ngay sau khi các Nghị quyết được ban hành, các chế độ về dinh dưỡng, chế độ đãi ngộ đối với huấn luyện viên, vận động viên thể thao thành tích cao; chế độ chi tiêu tài chính đối với các giải thi đấu thể thao trên địa bàn tỉnh được triển khai thực hiện. Chế độ dinh dưỡng, chế độ đãi ngộ đối với huấn luyện viên, vận động viên thể thao thành tích cao đã thu hút được nhiều vận động viên, huấn luyện viên giỏi yên tâm tham gia tập luyện, thi đấu, tạo động lực cho huấn luyện viên, vận động viên cố gắng, nỗ lực hết mình trong tập luyện và thi đấu đem lại vinh quang về cho tỉnh và chế độ chi tiêu tài chính đối với các giải thi đấu thể thao trên địa bàn tỉnh Cao Bằng được áp dụng theo Nghị quyết số 11/2012/NQ-HĐND của HĐND tỉnh đã giúp cho công tác tổ chức các giải thể thao của tỉnh được thực hiện một cách bài bản hơn, chuyên nghiệp hơn và chất lượng các giải đấu của tỉnh ngày càng được nâng lên, góp phần thúc đẩy sự phát triển về kinh tế và xã hội của địa phương.

- Góp phần hoàn thiện cơ chế chính sách trong giai đoạn trước: các Nghị quyết đã tạo cơ sở pháp lý quan trọng để triển khai các chế độ, chính sách đối với huấn luyện viên, vận động viên và các lực lượng tham gia tập luyện, tập huấn và thi đấu các giải thể thao cấp khu vực, toàn quốc và quốc tế. Hỗ trợ công tác tổ chức thi đấu thể thao và các quy định về chi bồi dưỡng cho Ban Chỉ đạo, Ban Tổ chức, trọng tài, lực lượng phục vụ... để tổ chức giải đấu được bài bản và chuyên nghiệp hơn.

b) Hạn chế:

- Nghị quyết số 11/2012/NQ-HĐND ngày 05/7/2012 của HĐND tỉnh Cao Bằng: Cơ sở pháp lý căn cứ ban hành đã hết hiệu lực hoặc được thay thế, dẫn đến Nghị quyết không còn đảm bảo tính pháp lý khi áp dụng trong giai đoạn hiện nay (Bộ Tài chính đã ban hành Thông tư số 117/2025/TT-BTC ngày 16 tháng 12 năm 2025 quy định lập dự toán, quản lý sử dụng và quyết toán kinh phí ngân sách nhà nước hỗ trợ tổ chức thi đấu các giải thi đấu thể thao tại Việt Nam); Nội dung chính sách không còn phù hợp: Một số quy định đã bị thay thế hoặc không còn được áp dụng trên thực tế; phạm vi điều chỉnh chưa bao quát hết các đối tượng và yêu cầu mới trong phát triển thể thao; Mức chi thấp, không đáp ứng thực tiễn: Các mức chi bồi dưỡng đã lạc hậu so với mặt bằng hiện nay, chưa tương xứng với khối lượng, tính chất công việc; chưa tạo được động lực cho các lực lượng tham gia, đặc biệt là trọng tài, phục vụ...; Thiếu tính đồng bộ với hệ thống văn bản hiện hành: Một số nội dung chưa thống nhất với các quy định mới của Trung ương và địa phương, gây khó khăn trong tổ chức thực hiện và thanh quyết toán.

- Nghị quyết số 79/2021/NQ-HĐND ngày 10/12/2021 về việc quy định chế độ dinh dưỡng đặc thù đối với huấn luyện viên, vận động viên Thể thao thành tích cao tỉnh Cao Bằng; Nghị quyết số 41/2024/NQ-HĐND ngày 12/7/2024 về việc Quy định mức thưởng đối với huấn luyện viên, vận động viên đạt thành tích tại các giải thi đấu Thể thao khu vực và toàn quốc trên địa bàn tỉnh Cao Bằng; Cơ sở pháp lý nhiều căn cứ ban hành đã hết hiệu lực hoặc được thay thế, dẫn đến Nghị quyết không còn đảm bảo tính pháp lý khi áp dụng trong giai đoạn hiện nay, đặc biệt là Nghị định 152/2018/NĐ-CP ngày 07/11/2018 của

Chính phủ quy định một số chế độ đối với huấn luyện viên, vận động viên thể thao trong thời gian tập trung, tập huấn, thi đấu đã hết hiệu lực từ ngày 15/2/2026; Mức chi trong Nghị quyết của tỉnh hiện tại đã không còn phù hợp với thực tiễn do giá cả thị trường biến động theo chiều hướng tăng; Mức chi chế độ cho các thành viên đội tuyển thể thao không đảm bảo được cả về mặt thể chất lẫn tinh thần để các thành viên yên tâm công tác và cống hiến, chưa tương xứng với khối lượng, tính chất công việc; Thiếu tính đồng bộ với hệ thống văn bản hiện hành từ Trung ương: Hiện nay Trung ương đã có Nghị định 349/2025/NĐ-CP ngày 30/12/2025 Quy định chế độ, chính sách đối với thành viên đội thể thao tham gia tập trung, tập huấn, thi đấu, đặt ra vấn đề các địa phương trên toàn quốc cần thiết phải cập nhật chế độ, chính sách cho các thành viên thể thao của tỉnh để đáp ứng được tính đồng bộ và phù hợp với thực tiễn.

3. Khó khăn, vướng mắc và nguyên nhân

Trong quá trình tổ chức thực hiện các nghị quyết, phát sinh một số khó khăn, vướng mắc mang tính khách quan. Trước hết, hệ thống văn bản quy phạm pháp luật của Trung ương trong lĩnh vực thể dục thể thao và tài chính công có sự điều chỉnh, bổ sung trong thời gian ngắn, đặc biệt sau khi ban hành Nghị định số 349/2025/NĐ-CP và các văn bản liên quan. Điều này dẫn đến một số nội dung trong các nghị quyết của tỉnh chưa được cập nhật kịp thời, ảnh hưởng nhất định đến tính phù hợp khi áp dụng trong thực tiễn.

Bên cạnh đó, trong điều kiện nguồn lực ngân sách địa phương còn hạn chế, nhu cầu chi cho lĩnh vực thể thao, nhất là thể thao thành tích cao, có xu hướng tăng. Việc bảo đảm đồng thời các chế độ về dinh dưỡng, tiền công, tiền thưởng và chi tổ chức thi đấu trong bối cảnh giá cả thị trường biến động đã tạo áp lực trong công tác cân đối ngân sách, từ đó ảnh hưởng đến mức độ đáp ứng của chính sách. Ngoài ra, một số quy định về mức chi hiện hành được xây dựng theo hướng tương đối ổn định, chưa có nhiều dự địa điều chỉnh linh hoạt theo biến động thực tiễn như giá cả thị trường, đặc thù từng môn thể thao hoặc cường độ tập luyện, thi đấu. Do đó, trong quá trình thực hiện có thời điểm chưa theo kịp yêu cầu thực tế.

Nguyên nhân chủ yếu của những tồn tại trên xuất phát từ bối cảnh hệ thống pháp luật và điều kiện kinh tế - xã hội có nhiều thay đổi trong thời gian gần đây, trong khi các chính sách được xây dựng từ giai đoạn trước; đồng thời cơ chế điều chỉnh chính sách theo hướng linh hoạt, dài hạn chưa được thiết kế đầy đủ, dẫn đến khả năng thích ứng trong một số trường hợp còn hạn chế.

4. Xác định những vấn đề mới phát sinh trong thực tiễn

Từ bối cảnh pháp lý và thực tiễn triển khai hiện nay, một số vấn đề mới đặt ra yêu cầu phải được xử lý trong chính sách thời gian tới.

- Thứ nhất, yêu cầu bảo đảm tính đồng bộ với Nghị định số 349/2025/NĐ-CP của Chính phủ là bắt buộc. Nghị định đã quy định tương đối đầy đủ về chế độ, chính sách đối với thành viên đội thể thao trong thời gian tập trung, tập huấn, thi đấu, đòi hỏi các chính sách của tỉnh phải được rà soát, điều chỉnh theo

hướng thống nhất, tránh chồng chéo, đồng thời cụ thể hóa phù hợp với điều kiện thực tiễn của địa phương.

- Thứ hai, việc Bộ Tài chính ban hành Thông tư số 117/2025/TT-BTC về lập dự toán, quản lý, sử dụng và quyết toán kinh phí ngân sách nhà nước hỗ trợ tổ chức các giải thi đấu thể thao đã thiết lập khung quản lý tài chính mới. Điều này đặt ra yêu cầu các quy định của tỉnh về chi tiêu tổ chức giải phải được xây dựng lại theo hướng đúng định mức, đúng quy trình, bảo đảm khả năng thanh quyết toán và tăng cường tính minh bạch, tránh tình trạng quy định mức chi không còn phù hợp hoặc khó áp dụng như trước đây.

- Thứ ba, việc thực hiện mô hình chính quyền địa phương 02 cấp (cấp tỉnh và cấp xã) làm thay đổi căn bản cơ chế quản lý và phân bổ nguồn lực. Chính sách trong lĩnh vực thể thao cần được thiết kế lại theo hướng xác định rõ trách nhiệm chi của từng cấp, tập trung nguồn lực ở cấp tỉnh đối với thể thao thành tích cao, đồng thời tạo dư địa để cấp xã chủ động phát triển phong trào thể thao quần chúng.

- Thứ tư, áp lực nâng cao chế độ đãi ngộ đối với huấn luyện viên, vận động viên ngày càng lớn. Trong điều kiện cạnh tranh thành tích giữa các địa phương và yêu cầu hội nhập, nếu chính sách không được điều chỉnh kịp thời theo biến động giá cả và cường độ tập luyện, thi đấu, sẽ khó giữ chân vận động viên có chất lượng, ảnh hưởng trực tiếp đến thành tích chung của tỉnh.

Những vấn đề nêu trên cho thấy yêu cầu cấp thiết phải xây dựng nghị quyết mới theo hướng đồng bộ với hệ thống văn bản Trung ương, đặc biệt là Nghị định số 349/2025/NĐ-CP và Thông tư số 117/2025/TT-BTC; đồng thời bảo đảm tính linh hoạt, sát thực tiễn và có tầm nhìn dài hạn trong phát triển thể dục thể thao của tỉnh.

III. ĐỀ XUẤT, KIẾN NGHỊ

Nhằm bảo đảm sự phù hợp với tình hình thực tiễn và tạo động lực thúc đẩy phát triển sự nghiệp thể dục thể thao của tỉnh, đặc biệt là lĩnh vực thể thao thành tích cao. Sở Văn hóa, Thể thao và Du lịch đề nghị Ủy ban nhân dân tỉnh xem xét, trình Hội đồng nhân dân tỉnh ban hành Nghị quyết mới thay thế các Nghị quyết hiện hành, bao gồm Nghị quyết số 11/2012/NQ-HĐND ngày 05/7/2012 của HĐND tỉnh Cao Bằng về quy định hỗ trợ bồi dưỡng đối với vận động viên đạt đẳng cấp quốc gia; chế độ chi tiêu tài chính đối với các giải thi đấu thể thao; chế độ bồi dưỡng đối với học sinh trường năng khiếu Nghệ thuật và Thể thao tỉnh Cao Bằng; Nghị quyết số 79/2021/NQ-HĐND ngày 10 tháng 12 năm 2021 của HĐND tỉnh Cao Bằng Quy định chế độ dinh dưỡng đặc thù đối với huấn luyện viên, động viên thể thao thành tích cao tỉnh Cao Bằng; Nghị quyết số 41/2024/NQ-HĐND ngày 12 tháng 7 năm 2024 của HĐND tỉnh Cao Bằng Quy định mức thưởng đối với huấn luyện viên, vận động viên đạt thành tích tại các giải thi đấu thể thao khu vực và toàn quốc trên địa bàn tỉnh Cao Bằng.

Việc xây dựng Nghị quyết mới là nhằm đáp ứng yêu cầu cấp thiết trong việc hoàn thiện hệ thống cơ chế, chính sách đối với lĩnh vực thể dục thể thao của

tỉnh trong giai đoạn hiện nay; khắc phục những hạn chế, bất cập của các quy định đã ban hành trước đây không còn phù hợp với thực tiễn; đồng thời bảo đảm sự đồng bộ, thống nhất với các quy định của Trung ương.

Qua đó, tạo cơ sở pháp lý đầy đủ để nâng cao chế độ đãi ngộ, hỗ trợ, khen thưởng đối với huấn luyện viên, vận động viên; hoàn thiện chế độ chi tiêu tài chính đối với các giải thi đấu thể thao theo hướng phù hợp, hiệu quả, góp phần tổ chức các giải đấu bảo đảm chất lượng, chuyên nghiệp. Đồng thời, nâng mức chi bồi dưỡng đối với các lực lượng tham gia công tác tổ chức, điều hành giải nhằm khuyến khích, động viên, nâng cao trách nhiệm và chất lượng tổ chức thi đấu.

Việc ban hành Nghị quyết cũng góp phần khuyến khích nâng cao thành tích thi đấu, phát triển nguồn nhân lực thể thao chất lượng cao và thúc đẩy sự phát triển bền vững của thể dục thể thao tỉnh nhà.

Đề nghị Ủy ban nhân dân tỉnh, Hội đồng nhân dân tỉnh xem xét và ban hành Nghị quyết của tỉnh về chế độ, chính sách cho các thành viên thể thao của tỉnh đảm bảo phù hợp với tình hình thực tiễn của địa phương cũng như quy định và hướng dẫn của Trung ương.

Trên đây là báo cáo tổng kết việc thi hành Nghị quyết số 11/2012/NQ-HĐND ngày 05/7/2012 của Hội đồng nhân dân tỉnh về quy định hỗ trợ bồi dưỡng đối với vận động viên đạt đẳng cấp quốc gia; chế độ chi tiêu tài chính đối với các giải thi đấu thể thao; chế độ bồi dưỡng đối với học sinh trường năng khiếu Nghệ thuật và Thể thao tỉnh Cao Bằng; Nghị quyết số 79/2021/NQ-HĐND ngày 10 tháng 12 năm 2021 của Hội đồng nhân dân tỉnh Quy định chế độ dinh dưỡng đặc thù đối với huấn luyện viên, động viên thể thao thành tích cao tỉnh Cao Bằng; Nghị quyết số 41/2024/NQ-HĐND ngày 12 tháng 7 năm 2024 của Hội đồng nhân dân tỉnh Quy định mức thưởng đối với huấn luyện viên, vận động viên đạt thành tích tại các giải thi đấu thể thao khu vực và toàn quốc trên địa bàn tỉnh Cao Bằng./.

Nơi nhận:

- Thường trực HĐND tỉnh (b/c);
- UBND tỉnh (b/c);
- Ủy ban MTTQ Việt Nam tỉnh Cao Bằng;
- Văn phòng UBND tỉnh;
- Các Sở, ban, ngành tỉnh;
- UBND các xã, phường;
- Lãnh đạo Sở;
- Các phòng, đơn vị trực thuộc Sở;
- Lưu: VT, QLTDĐT_(Himg).

GIÁM ĐỐC

Nguyễn Quốc Trung

Phụ lục

(Ban hành kèm theo Báo cáo số .../BC-SVHTTDL ngày ... tháng ... năm 2026
của Sở Văn hóa, Thể thao và Du lịch tỉnh Cao Bằng)

Phụ lục 1**1. Chủ trương, đường lối của Đảng có liên quan đến chính sách/dự thảo**

CHỦ TRƯỞNG, ĐƯỜNG LỐI CỦA ĐẢNG	CHÍNH SÁCH/ QUY ĐỊNH CỦA DỰ THẢO	ĐÁNH GIÁ (Đã thể chế đầy đủ hoặc một phần)	ĐỀ XUẤT XỬ LÝ
Kết luận số 70-KL/TW ngày 31/01/2024 của Bộ Chính trị về phát triển TDTT trong giai đoạn mới; Kế hoạch số 342-KH/TU ngày 09/5/2024 của Tỉnh ủy Cao Bằng	Quy định mức chi tổ chức các giải thể thao	Đã thể chế hóa	Tiếp tục cụ thể hóa phù hợp điều kiện địa phương
	Chế độ tiền lương HLV, VĐV	Đã thể chế hóa	Điều chỉnh mức chi phù hợp thực tế
	Chế độ dinh dưỡng HLV, VĐV	Đã thể chế hóa	Cập nhật theo mặt bằng giá
	Chính sách đãi ngộ VĐV thành tích cao	Đã thể chế hóa	Hoàn thiện tiêu chí cụ thể và bổ sung tiêu chí và chính sách mới
	Chính sách thưởng thành tích thể thao	Đã thể chế hóa	Điều chỉnh và bổ sung chính sách, mức thưởng
	Chăm sóc sức khỏe, chữa trị chấn thương	Đã thể chế hóa	Bổ sung cơ chế thực hiện
	Đào tạo văn hóa, nghệ, việc làm cho VĐV	Đã thể chế hóa	Cụ thể hóa cơ chế phối hợp
	Huy động nguồn lực xã hội hóa TDTT	Đã thể chế hóa một phần	Bổ sung cơ chế khuyến khích
	Phát triển TDTT cấp xã	Đã thể chế hóa	Quy định rõ mức chi và trách nhiệm

2. Văn bản quy phạm pháp luật có liên quan đến chính sách/dự thảo

QUY ĐỊNH CỦA DỰ THẢO VĂN BẢN	QUY ĐỊNH CỦA PHÁP LUẬT HIỆN HÀNH CÓ LIÊN QUAN	ĐÁNH GIÁ (Tính hợp hiến, tính hợp pháp, tính thống nhất)	ĐỀ XUẤT XỬ LÝ
Chi tổ chức giải thể thao (BTC, trọng tài, phục vụ)	Thông tư 117/2025/TT-BTC	Phù hợp	Quy định mức chi cụ thể
Chi ăn, ở, đi lại...	Luật NSNN 89/2025/QH15; Thông tư 117/2025/TT-BTC	Phù hợp	Bảo đảm trong dự toán
Chi khai mạc, bế mạc, tuyên truyền	Thông tư 117/2025/TT-BTC	Phù hợp	Gắn với dự toán ngân sách
Chi biểu diễn, đồng diễn	Nghị định 21/2015/NĐ-CP	Liên quan một phần	Áp dụng khi phát sinh
Tiền lương HLV, VĐV	Nghị định 349/2025/NĐ-CP	Đúng thẩm quyền địa phương	Quy định mức cụ thể
Dinh dưỡng HLV, VĐV	Nghị định 349/2025/NĐ-CP	Phù hợp	Điều chỉnh phù hợp thực tế
Đãi ngộ đặc thù	Nghị định 349/2025/NĐ-CP; Quyết định 223/QĐ-TTg	Phù hợp	Tránh trùng lặp chính sách
Thưởng thành tích	Nghị định 349/2025/NĐ-CP	Phù hợp	Quy định nguyên tắc rõ ràng
Bảo hiểm, y tế	Luật TĐTT 2006 (sửa đổi 2018); NĐ 36/2019/NĐ-CP	Thống nhất	Không phát sinh
Đào tạo văn hóa, nghệ	Luật TĐTT; Thông tư 54/2022/TT-BTC; QĐ 223/QĐ-TTg	Phù hợp	Gắn với cơ sở đào tạo
Phân cấp ngân sách	Luật NSNN 2025; Luật TCCQĐP 72/2025/QH15	Phù hợp	Quy định rõ trách nhiệm từng cấp
Thẩm quyền ban hành	Luật TCCQĐP 72/2025/QH15	Đúng	Không vướng
Quy trình xây dựng VBQPPL	Luật 64/2025; Luật 87/2025; NĐ 78/2025; NĐ 187/2025	Đúng quy định	Hoàn thiện hồ sơ
Chính sách chi TĐTT hiện hành	NQ 11/2012/NQ-HĐND	Một số nội dung đã không phù hợp và bị phân tán	Bãi bỏ toàn bộ và tích hợp cụ thể hóa tại Nghị quyết mới
Chính sách dinh dưỡng	NQ 79/2021/NQ-HĐND	Trùng với NĐ 349	Bãi bỏ toàn bộ
Chính sách thưởng	NQ 41/2024/NQ-HĐND	Phân tán	Bãi bỏ toàn bộ và tích hợp cụ thể hóa tại Nghị quyết mới

Phụ lục 2**Bảng so sánh thực trạng chế độ chi tiêu tài chính đối với các giải thi đấu thể thao trên địa bàn tỉnh***(Bảng định lượng khái toán/01năm)**Cấp tỉnh**(Đơn vị tính: đồng)*

STT	Nội dung	Chế độ bồi dưỡng làm nhiệm vụ tại tỉnh	Mức mới được đề xuất theo NQ của tỉnh Cao Bằng mới		
		Mức chi theo Nghị quyết số 11/2012/NQ-HĐND ngày 05/7/2012		Tổng kinh phí cấp thêm/năm	Đề xuất tăng
A	B	1	2	3=2-1	
I	Ban chỉ đạo, Ban tổ chức, nhân viên phục vụ				
1	Ban chỉ đạo, Ban tổ chức, trưởng, phó các tiểu ban chuyên môn (<i>bình quân 10 người/giải</i>)	80.000 đồng/người/ngày x 5,6 ngày/giải x 09 giải x 10 người = 40.320.000đ	240.000 đồng/người/ngày x 5,6 ngày/giải x 09 giải x 10 người = 120.960.000đ	80.640.000đ	Tăng
2	Thành viên các tiểu ban chuyên môn (<i>bình quân 24,8 người/giải, mỗi giải bình quân 10 ngày</i>)	60.000 đồng/người/ngày x 10 ngày/giải x 09 giải x 24,8 người = 134.370.000đ	200.000 đồng/người/ngày x 10 ngày/giải x 09 giải x 24,8 người = 446.400.000đ	312.030.000đ	Tăng
3	Lực lượng làm nhiệm vụ: trật tự, bảo vệ, công an, y tế, nhân viên phục vụ, lái xe, (<i>bình quân 21,8 người/giải, mỗi giải bình quân tổ chức 12 buổi</i>)	45.000 đồng/người/buổi x 12 buổi/giải x 09 giải x 21,8 người = 106.200.000đ	100.000 đồng/người/buổi x 12 buổi/giải x 09 giải x 21,8 người = 235.440.000đ	129.240.000đ	Tăng
	Kinh phí: 1,2,3	280.890.000đ	802.800.000đ	521.910.000đ	
II	Tiền ăn				
1	Thành viên ban chỉ đạo, ban tổ chức và cá tiểu ban đại hội thể dục thể thao, hội thi thể	(không có quy định trong Nghị quyết số 11/2012/NQ-HĐND ngày 05/7/2012)	200.000 đồng/người/ngày x 5,6 ngày/giải x 09 giải x 10 người = 100.800.000đ	100.800.000đ	Tăng

	thao; futsal				
2	Thành viên ban tổ chức và các tiểu ban chuyên môn từng giải thi đấu trọng tài, giám sát điều hành, trợ lý các giải đấu, thư ký trọng tài, điều phối viên môn bóng đá,	(không có quy định trong Nghị quyết số 11/2012/NQ-HĐND ngày 05/7/2012)	200.000 đồng/người/ngày x 10 ngày/giải x 09 giải x 24,8 người = 446.400.000đ	446.400.000đ	Tăng
	Kinh phí: 1,2	0đ	547.200.000đ	547.200.000đ	
III	Tiền giải thưởng (không có quy định trong Nghị quyết số 11/2012/NQ-HĐND ngày 05/7/2012 mà chủ động cân đối nguồn được giao hằng năm và vận dụng theo Quyết định 901/QĐ-UBND ngày 31/5/2021 của chủ tịch UBND tỉnh)	Quyết định 901/QĐ-UBND ngày 31/5/2021 của chủ tịch UBND tỉnh	Mức mới được đề xuất theo NQ của tỉnh Cao Bằng mới		
				Tổng kinh phí cấp thêm/năm	Đề xuất tăng
A		1	2	3=2-1	
1	Giải cá nhân				
-	Giải nhất	25 giải x 1.000.000 = 25.000.000đ	25 giải x 1.500.000 = 37.500.000đ	12.500.000đ	Tăng
-	Giải nhì	25 giải x 800.000 = 20.000.000đ	25 giải x 1.200.000 = 30.000.000đ	10.000.000đ	Tăng
-	Giải ba	31 giải x 600.000 = 18.600.000đ	31 giải x 900.000 = 27.900.000đ	9.300.000đ	Tăng
-	Giải Phong cách	105 giải x 300.000 = 33.300.000đ	105 giải x 500.000 = 52.500.000đ	19.200.000đ	Tăng

2	Giải đôi				Tăng
-	Giải nhất	06 giải x 1.500.000 = 9.000.000đ	06 giải x 2.250.000 = 13.500.000đ	4.500.000đ	Tăng
-	Giải nhì	06 giải x 1.000.000 = 6.000.000đ	06 giải x 1.500.000 = 9.000.000đ	3.000.000đ	Tăng
-	Giải ba	07 giải x 800.000 = 5.600.000đ	07 giải x 1.200.000 = 8.400.000đ	2.800.000đ	Tăng
-	Giải Phong cách	08 giải x 300.000 = 2.400.000đ	08 giải x 500.000 = 4.000.000đ	1.600.000đ	Tăng
3	Đồng đội				
-	Giải nhất	8 giải x 3.000.000 = 24.000.000đ	8 giải x 4.500.000 = 36.000.000đ	12.000.000đ	Tăng
-	Giải nhì	8 giải x 2.000.000 = 16.000.000đ	8 giải x 3.000.000 = 24.000.000đ	8.000.000đ	Tăng
-	Giải ba	8 giải x 1.000.000 = 8.000.000đ	8 giải x 1.500.000 = 12.000.000đ	4.000.000đ	Tăng
-	Giải Phong cách				
4	Toàn đoàn				
-	Giải nhất	08 giải x 4.000.000 = 32.000.000đ	08 giải x 6.000.000 = 48.000.000đ	16.000.000đ	Tăng
-	Giải nhì	08 giải x 3.000.000 = 24.000.000đ	08 giải x 4.500.000 = 36.000.000đ	12.000.000đ	Tăng
-	Giải 3	10 giải x 2.000.000 = 20.000.000đ	10 giải x 3.000.000 = 30.000.000đ	10.000.000đ	Tăng
-	Phong cách	2 giải x 1.000.000 = 2.000.000đ	02 giải x 1.500.000 = 3.000.000đ	1.000.000đ	Tăng
	Kinh phí 1,2,3,4	245.900.000đ	371.800.000		
	Tổng kinh phí I, II, III	526.790.000đ	1.721.800.000đ	1.195.010.000	

Phụ lục 3**Bảng so sánh chính sách khen thưởng đối với huấn luyện viên, vận động viên và hỗ trợ phong đẳng cấp quốc gia***(Đơn vị tính: đồng)*

STT	ĐỐI TƯỢNG	2025	2026	2027	GHI CHÚ
I	Khen thưởng	941.140.000	1.013.240.000	1.045.740.000	
1	Giải khu vực và toàn quốc	941.140.000	972.440.000	1.003.740.000	
	Huấn luyện viên	191.940.000	213.440.000	223.240.000	
	Vận động viên	749.200.000	759.000.000	780.500.000	
2	Giải quốc tế		40.800.000	42.000.000	
	Huấn luyện viên		15.300.000	15.750.000	
	Vận động viên		25.500.000	26.250.000	
II	Chế độ đẳng cấp vận động viên	967.800.000	1.280.160.000	1.422.360.000	
	Kiên tướng	631.800.000	631.800.000	673.920.000	
	Cấp I	336.000.000	507.960.000	537.840.000	
	Cấp II		140.400.000	210.600.000	

Phụ lục 4**Bảng so sánh chính sách, chế độ dinh dưỡng đối với huấn luyện viên, vận động viên và các thành viên đội tuyển***(Đơn vị tính: đồng)*

STT	CHẾ ĐỘ	2025	2026	2027	GHI CHÚ
I	Dinh dưỡng trong tập trung tập luyện, tập huấn	15.550.360.000	17.885.000.000	24.850.000.000	
1	Đội tuyển tỉnh	8.025.360.000	9.660.000.000	12.075.000.000	
2	Đội tuyển trẻ tỉnh	4.200.000.000	4.900.000.000	6.125.000.000	
3	Đội tuyển năng khiếu tỉnh	3.325.000.000	3.325.000.000	6.650.000.000	
II	Dinh dưỡng và dinh dưỡng chênh lệch trong thời gian tham dự các giải thể thao thành tích cao	540.000.000	1.480.500.000	2.277.500.000	
1	Đội tuyển tỉnh	360.000.000	990.000.000	1.237.500.000	
2	Đội tuyển trẻ tỉnh	180.000.000	198.000.000	247.500.000	
3	Đội tuyển năng khiếu tỉnh		292.500.000	495.000.000	
4	Vận động viên triệu tập đội tuyển quốc gia: 02 người x 200.000 x 350 ngày	0	0	140.000.000	
5	Vận động viên triệu tập đội tuyển trẻ quốc gia: 03 người x 150.000 x 350 ngày	0	0	157.500.000	